

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 469/2017/HSPT

Ngày: 08/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên

Ngày 08/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 246/2017/HSPT ngày 04/5/2017 đối với bị cáo Võ Hoàng V và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Hồ Quốc C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo, bị cáo liên quan đến kháng nghị:

1. Họ và tên: **Võ Hoàng V**; sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 233/49 Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Tiền án, tiền sự: (không có);

Bắt, tạm giam: 30/8/2016;

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa (bị cáo có đơn xin vắng mặt).

2. Họ và tên: **Hồ Quốc C**; sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: 25/4B ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tiền án, tiền sự: (không có);

Bắt, tạm giam: 30/8/2016;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3.Họ và tên: **Lâm Bé B**; sinh năm 1993 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bạc Liêu;

Tiền án, tiền sự: (không có);

Bắt, tạm giam: 30/8/2016;

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa (bị cáo có đơn xin vắng mặt).

4.Họ và tên: **Nguyễn Trọng S**; sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thái Bình;

Tiền án, tiền sự: (không có);

Bắt, tạm giam: 30/8/2016;

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa (bị cáo có đơn xin vắng mặt).

5.Họ và tên: **Nguyễn Tiến M**; sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Hà Nam;

Tiền án: (không có);

Tiền sự: Ngày 16/10/2013, bị Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng theo Quyết định số 4623/QĐ-UBND nhưng chưa thi hành;

Bắt, tạm giam: 30/8/2016;

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/8/2016, Công an xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn kết hợp cùng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Hóc Môn tiến hành kiểm tra Phòng trọ số 3 thuộc khu nhà trọ số 25/4B, ấp Đông Lâm, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, bắt quả tang Lâm Bé B, Võ Hoàng V đang bán ma túy cho Lưu Khí Hải, tại đây còn có Nguyễn Tiến M, Hồ Quốc C, Nguyễn Trọng S.

Lực lượng công an thu giữ được:

-Thu giữ của Hải 1 đoạn ống hút nhựa hàn kín chứa chất bột màu trắng, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0320g, loại Heroine.

-Thu giữ trong túi quần bên phải của S đang mặc 1 gói giấy bên trong chứa chất bột màu trắng, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0533g, loại Heroine.

-Thu giữ của Bé B: 2 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2087g, loại Methamphetamine; 27 đoạn ống hút nhựa, bên trong chứa chất bột màu trắng, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,9085g, loại Heroine.

Trong quá trình điều tra, S khai khối lượng 0,0533g ma túy loại Heroine đã nêu S cất giữ sử dụng cho bản thân; tương tự như S, Bé B cũng khai trình rằng khối lượng 0,2087g ma túy loại Methamphetamine đã nêu bị cáo cất giữ để sử dụng cho bản thân.

Qua quá trình điều tra, xác định được như sau: V đã mua bán ma túy được khoảng 3 tháng. V mua ma túy của nhiều người (không rõ lai lịch) tại khu vực Đồng Rừng thuộc ấp Đông Lâm, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn mang về phân ra bán lại kiếm tiền tiêu xài.

Nguyễn Trọng S mua ma túy của V được 4 lần. S dẫn nhiều người nghiện đến mua ma túy của V và được V cho ma túy sử dụng. Sau đó, S đến nhà trọ ở cùng V và giúp V bán ma túy được khoảng 2 tháng thì bị bắt.

Lâm Bé B là bạn gái của V, ở cùng phòng trọ với V. Bé B biết V cùng S bán ma túy nên cùng tham gia bán được khoảng 02 tuần. Lâm Bé B quản lý tiền bán ma túy, cùng V trả tiền thuê phòng và lo ăn uống cho cả nhóm. Khi có người đến mua ma túy tại phòng trọ, S trực tiếp nhận tiền sau đó báo lại số lượng để Bé B hoặc V ném ma túy từ trên gác nhà trọ xuống để S giao cho người nghiện.

Hồ Quốc C đến nhà trọ mua ma túy của V từ tháng 6/2016 được khoảng 8 lần. Sau đó, C xin ở trọ cùng với V và tham gia cùng bán ma túy được 6 ngày. Trong thời gian vừa nêu, C đi bán ma túy cùng V được 1 lần, C đi bán ma túy một mình được 2 lần mang tiền về đưa lại cho Bé B.

Nguyễn Tiến M mua ma túy của V đầu tháng 8/2016 và xin đến ở chung thì được V đồng ý. M tham gia bán ma túy cùng V, S, C được 3 ngày thì bị bắt. Trong 3 ngày phụ bán ma túy, M giúp V và S cắt ống hút và hàn kín một đầu, M trực tiếp nhận tiền của người mua ma túy 1 lần tại phòng trọ số tiền 70.000 đồng đưa tiền lại cho S, S báo số lượng để Bé B ném ma túy xuống cho người nghiện.

V, Bé B, S, C và M tham gia bán Heroine, còn Methamphetamine để dành cho V và Bé B sử dụng. Đối tượng nghiện Lưu Khí Hải đến phòng trọ của V mua ma túy được 3 lần do V và S bán, lần thứ 4 khi Bé B bán cho Hải 1 tộp ma

túy thì bị bắt. Các đối tượng Bé B, S, C và M được V cho ma túy sử dụng và lo ăn ở. Tổng số tiền V thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy đến ngày bị bắt là 31.800.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng V, Lâm Bé B, Nguyễn Trọng S, Hồ Quốc C và Nguyễn Tiến M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Võ Hoàng V 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016;

Xử phạt Lâm Bé B 8 (tám) năm, 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016;

Xử phạt Nguyễn Trọng S 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016;

Xử phạt Hồ Quốc C 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016;

Xử phạt Nguyễn Tiến M 7 (bảy) năm, 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016.

Phạt bổ sung các bị cáo Võ Hoàng V, Lâm Bé B, Nguyễn Trọng S, Hồ Quốc C và Nguyễn Tiến M mỗi người 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự,

Buộc bị cáo Võ Hoàng V phải nộp số tiền 31.800.000đ (B mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Võ Hoàng V phải chịu 1.590.000đ (một triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí hình sự sơ thẩm, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 13/4/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Bn hành Quyết định kháng nghị số 33/QĐ-VKS-P7 kháng nghị bản án sơ thẩm đã nêu với nội dung như sau: Bản án buộc V phải chịu tiền án phí đối với tiền thu lợi bất chính, đồng thời lại không buộc bị cáo V phải chịu tiền lãi chậm thi hành án đối với khoản tiền phải nộp lại là không đúng; án sơ thẩm phạt bổ sung các bị cáo mỗi người 5.000.000đ nhưng không tuyên các bị cáo phải chịu lãi nếu chậm thi hành là không đúng với quy định tại điểm 1 mục III Thông tư liên tịch số 01/1997 ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không buộc V phải chịu tiền án phí đối với tiền thu lợi bất chính, đồng thời buộc V và các bị cáo phải lãi chậm thi hành án đối

với khoản tiền phạt và tiền phải nộp lại.

Ngày 28/3/2017, bị cáo C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không nêu rõ lý do.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Hồ Quốc C giữ nguyên nội dung kháng và trình bày bổ sung lý do xin giảm nhẹ hình phạt đó là bị cáo bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo C được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài các tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo,

XÉT THẤY:

Các bị cáo Võ Hoàng V, Lâm Bé B, Nguyễn Trọng S, Hồ Quốc C và Nguyễn Tiến M đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội được xác định đúng như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã được tóm tắt. Việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hồ Quốc C:

Hồ Quốc C là người nghiện ma túy. C mua ma túy của V từ tháng 6/2016 được khoảng 8 lần. Sau đó, C xin ở trọ cùng với V tại Phòng trọ số 3 thuộc khu nhà trọ số 25/4B, ấp Đông Lâm, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và tham gia bán ma túy với V được 6 ngày. Trong thời gian vừa nêu, C cùng với V đi bán ma túy 1 lần; một mình bán ma túy 2 lần mang tiền về đưa cho Bé B (bạn gái của V). V có hành vi phạm tội nhiều lần, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là chính xác, đúng pháp luật. C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm là có căn cứ. Mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với C là mức án nhẹ nhất quy

định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có nêu ra lý do bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự để xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, đây không phải là lý do giảm nhẹ theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị không buộc Võ Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền bị truy thu:

Trong quá trình điều tra, bị cáo Võ Hoàng V thừa nhận đã thu lợi bất chính 31.800.000đ (B mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) từ việc mua bán ma túy. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo V phải nộp lại số tiền vừa nêu là có căn cứ. Tuy nhiên, trong nội dung Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án án (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017), không có nội dung nào quy định người bị truy thu tiền thu lợi bất chính phải nộp án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền truy thu. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền truy thu là không có căn cứ.

Việc Viện trưởng Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đề nghị không buộc bị cáo V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị tuyên buộc các bị cáo phải chịu lãi đối với khoản tiền phạt bổ sung và tiền truy thu trong trường hợp chậm thi hành:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Võ Hoàng V phải nộp lại 31.800.000đ để sung quỹ Nhà nước. Đây là nghĩa vụ dân sự mà V phải thi hành. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên buộc V phải chịu tiền lãi trong trường hợp chậm nộp là có thiếu sót. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung này là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận nội dung kháng nghị này, tuyên buộc V phải trả lãi trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành khoản tiền đã nêu.

Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao là văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 1985 và Bộ luật dân sự năm 1995. Tại mục 1 phần III Thông tư đã nêu có quy định rằng: *“Để bảo đảm quyền lợi cho bên được thi hành án, hạn chế việc bên phải thi hành án cố tình dấy dera, không tự nguyện thi hành án, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án, khoản tiền phải nộp để đưa*

vào ngân sách Nhà nước (tiền tịch thu, tiền truy thu thuế, tiền truy thu do thu lợi bất chính, tiền phạt), toà án phải quyết định rõ trong bản án hoặc quyết định là kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 313 Bộ luật dân sự...”. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 1985 đã được thay thế bằng Bộ luật hình sự năm 1999 (hiện đang có hiệu lực thi hành), Bộ luật dân sự 1995 cũng đã được thay thế bằng Bộ luật dân sự 2005 và hiện tại là Bộ luật dân sự 2015 (hiện đang có hiệu lực thi hành); mặt khác, từ tháng 02/1999 cho đến nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng không còn quy định mức lãi suất nợ quá hạn cụ thể như là một công cụ để điều hành hoạt động Tài chính, Ngân hàng. Do vậy, không có căn cứ để buộc các bị cáo phải chịu lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn đối với khoản tiền phạt bổ sung.

Từ tháng 02/1999 đến nay, không có bất kỳ văn bản pháp luật nào quy định rằng người bị áp dụng hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung là phạt tiền thì phải chịu lãi nếu chậm thi hành. Các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, việc chấp hành hình phạt bổ sung là trách nhiệm hình sự, không phải là trách nhiệm dân sự nên cũng không thể buộc các bị cáo phải chịu lãi như trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Mặt khác, tại văn bản kháng nghị số 33/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong phần quyết định chỉ đề nghị chung chung đó là “buộc các bị cáo phải chịu lãi suất trên số tiền phải thi hành án nếu chậm nộp” mà không nêu rõ áp dụng mức lãi suất nào, theo quy định tại văn bản pháp luật nào; tại phiên tòa, kiểm sát viên cũng không có ý kiến gì khác ngoài nội dung văn bản kháng nghị. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận phần nội dung kháng nghị như đã vừa nêu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng V, Lâm Bé B, Nguyễn Trọng S, Hồ Quốc C và Nguyễn Tiến M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Võ Hoàng V 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016;

Xử phạt Lâm Bé B 8 (tám) năm, 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016;

Xử phạt Nguyễn Trọng S 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016;

Xử phạt Hồ Quốc C 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016;

Xử phạt Nguyễn Tiến M 7 (bảy) năm, 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2016.

Phạt bổ sung các bị cáo Võ Hoàng V, Lâm Bé B, Nguyễn Trọng S, Hồ Quốc C và Nguyễn Tiến M mỗi người 5.000.000đ (năm triệu đồng).

2. Về mặt dân sự:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Võ Hoàng V phải nộp lại 31.800.000đ (B mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày tuyên án phúc thẩm cho đến khi thi hành xong khoản tiền đã nêu, bị cáo V còn phải chịu thêm tiền lãi đối với khoản tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí.

Bị cáo Võ Hoàng V không phải nộp 1.590.000đ (một triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo Hồ Quốc C phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (5)
- Trại giam; (5)
- Chi Cục THA huyện Hóc Môn; (2)
- TAND huyện Hóc Môn; (2)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (5)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (32). (4)

Trương Công Huân